

Số: *69747*/CT-TTHT
V/v chính sách thuế GTGT
dự án ODA

Hà Nội, ngày *05* tháng *9* năm 2019

Kính gửi: Văn phòng Đại diện CowaterSogema International Inc, tại Hà Nội

Đ/c: Tầng 7 Tòa nhà Vinapaco, 142 Đội Cấn, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số A4E-19-171 ghi ngày 24/6/2019 kèm hồ sơ, tài liệu giải trình bổ sung thông tin cho công văn số A4E-19-904 ghi ngày 18/4/2019 của Văn phòng Đại diện CowaterSogema International Inc tại Hà Nội (sau đây gọi là Văn phòng đại diện) hỏi về chính sách hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính như sau:

“6. Hoàn thuế GTGT đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo.

a) Đối với dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại: chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án được hoàn lại số thuế GTGT đã trả đối với hàng hoá, dịch vụ mua ở Việt Nam để sử dụng cho chương trình, dự án.”

- Căn cứ Điều 50 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA như sau:

- *“Điều 50. Hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA*

1. Đối với Chủ dự án và Nhà thầu chính

a) Nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT

Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi Cục Thuế quản lý trực tiếp địa bàn nơi thực hiện dự án vào bất kỳ thời điểm nào khi phát sinh số thuế GTGT đầu vào được hoàn trong thời gian thực hiện dự án; trường hợp dự án ODA có liên quan đến nhiều tỉnh thì hồ sơ hoàn thuế GTGT gửi Cục Thuế quản lý trực tiếp nơi chủ dự án đóng trụ sở chính.

Nhà thầu nước ngoài thực hiện dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi cơ quan thuế nơi nộp hồ sơ khai thuế.

b) Hồ sơ hoàn thuế GTGT

- Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách nhà nước theo mẫu 01/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào mẫu số 01-1/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc phê duyệt dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại, dự án sử dụng vốn ODA vay ưu đãi được ngân sách nhà nước cấp phát (bản chụp có đóng dấu và chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền của dự án). Trường hợp hoàn thuế nhiều lần thì chỉ xuất trình lần đầu.

- Xác nhận của cơ quan chủ quản dự án ODA về hình thức cung cấp dự án ODA là ODA không hoàn lại hay ODA vay được ngân sách nhà nước cấp phát ưu đãi thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng (bản chụp có xác nhận của cơ sở) và việc không được ngân sách nhà nước cấp vốn đối ứng để trả thuế giá trị gia tăng. Người nộp thuế chỉ phải nộp tài liệu này với hồ sơ hoàn thuế lần đầu của dự án.

Trường hợp nhà thầu chính lập hồ sơ hoàn thuế thì ngoài những tài liệu nêu tại điểm này, còn phải có xác nhận của chủ dự án về việc dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để thanh toán cho nhà thầu theo giá có thuế giá trị gia tăng; giá thanh toán theo kết quả thầu không có thuế giá trị gia tăng và đề nghị hoàn thuế cho nhà thầu chính.

2. Đối với Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA

a) Nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT

Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi Cục Thuế quản lý địa bàn nơi đặt văn phòng điều hành của dự án vào bất kỳ thời điểm nào khi phát sinh số thuế GTGT đầu vào được hoàn trong thời gian thực hiện dự án.

b) Hồ sơ hoàn thuế GTGT

- Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách nhà nước theo mẫu 01/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào mẫu số 01-1/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Văn bản thoả thuận giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam với Nhà tài trợ về việc thành lập Văn phòng đại diện (bản chụp có xác nhận của Văn phòng).

- Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thành lập Văn phòng đại diện (bản chụp có xác nhận của Văn phòng)."

- Căn cứ Thông tư 181/2013/TT-BTC ngày 03/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ:

+ Tại Điều 3 hướng dẫn:

"Điều 3. Giải thích từ ngữ

...

- "Nhà thầu chính" là các tổ chức, cá nhân trực tiếp ký hợp đồng với Chủ dự án ODA, vốn vay ưu đãi hoặc nhà tài trợ vốn cho dự án ODA, vốn vay ưu đãi để xây lắp công trình hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho dự án ODA, vốn vay ưu

đãi. Nhà thầu chính bao gồm Nhà thầu chính nước ngoài và Nhà thầu chính Việt Nam.

- "Nhà thầu phụ" là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng trực tiếp với Nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc của hợp đồng Nhà thầu chính ký với Chủ dự án ODA, vốn vay ưu đãi hoặc nhà tài trợ vốn cho dự án ODA, vốn vay ưu đãi. Nhà thầu phụ bao gồm Nhà thầu phụ nước ngoài và Nhà thầu phụ Việt Nam."

+ Tại Điều 5 Mục 1 Chương II hướng dẫn chính sách thuế đối với chủ Dự án như sau:

"Điều 5. Chính sách thuế đối với Chủ dự án

...2. Thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam.

a) Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại được hoàn lại số thuế GTGT đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam nếu hợp đồng ký với nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT và Chủ dự án không được Ngân sách Nhà nước cấp vốn để trả thuế GTGT. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì Chủ dự án không được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam không phân biệt hợp đồng ký với nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT hay không bao gồm thuế GTGT.

Ví dụ 1: Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại A đã được cấp có thẩm quyền duyệt ký hợp đồng thầu xây dựng công trình Bệnh viện Nhi với giá thầu chưa có thuế GTGT là 4 tỷ đồng và thuế GTGT là 400 triệu đồng (thuế suất 10%), tổng trị giá bao gồm cả thuế GTGT là 4,4 tỷ đồng. Ngoài ra, Chủ dự án nói trên được phê duyệt để ký hợp đồng thầu mua hàng hóa, dịch vụ khác với giá thầu chưa có thuế GTGT là 100 triệu đồng và thuế GTGT là 10 triệu đồng, tổng giá trị bao gồm cả thuế GTGT là 110 triệu đồng.

- Trường hợp 1: Chủ dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để thanh toán thuế GTGT:

Chủ dự án ODA nói trên được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả cho hợp đồng xây dựng công trình và các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ trong nước là 410 (400+10) triệu đồng.

- Trường hợp 2: Chủ dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để thanh toán thuế GTGT:

Chủ dự án ODA nói trên không được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả cho hợp đồng xây dựng công trình và các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ trong nước; kể cả trong trường hợp hợp đồng ký với nhà thầu chính với giá không bao gồm thuế GTGT.

b) Trường hợp nhà tài trợ thành lập văn phòng đại diện của nhà tài trợ tại Việt Nam và trực tiếp mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại hoặc giao cho Chủ dự án ODA thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại thì nhà tài trợ được hoàn lại số thuế GTGT đã trả. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này."

+ Tại Điều 6 Mục 1 Chương II hướng dẫn chính sách thuế đối với nhà thầu chính, nhà thầu phụ thực hiện dự án như sau:

"Điều 6. Chính sách thuế đối với nhà thầu chính, nhà thầu phụ thực hiện dự án

2. Thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác đối với cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.

b) Nhà thầu phụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho nhà thầu chính của dự án ODA viện trợ không hoàn lại phải nộp thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

d) Trường hợp nhà thầu chính (không phân biệt nhà thầu chính là đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hay phương pháp trực tiếp) ký hợp đồng với Chủ dự án ODA hoặc Nhà tài trợ để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại với giá không bao gồm thuế GTGT và dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì nhà thầu chính được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án, Nhà tài trợ. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì nhà thầu chính không được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam không phân biệt hợp đồng ký giữa chủ dự án và nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT hay không bao gồm thuế GTGT. Nhà thầu chính phải khai, nộp thuế GTGT theo quy định của Luật Thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn hiện hành...."

- Căn cứ Thông tư 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế:

+ Tại Khoản 1 Điều 2 hướng dẫn về đối tượng áp dụng:

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sau:

d) Tổ chức được thành lập bởi cơ quan có thẩm quyền không có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Tổ chức khác).

đ) Tổ chức, cá nhân không phát sinh nghĩa vụ thuế nhưng được hoàn thuế, gồm: Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hoá, dịch vụ có thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo; các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao; Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA (sau đây gọi là Tổ chức khác).

e) Tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài hành nghề độc lập kinh doanh tại Việt Nam phù hợp với pháp luật Việt

Nam có thu nhập phát sinh tại Việt Nam (sau đây gọi là nhà thầu nước ngoài) hoặc có phát sinh nghĩa vụ thuế tại Việt Nam.

...

+ Tại Tiết b Khoản 3 Điều 5 hướng dẫn về cấp và sử dụng mã số thuế:

“3. Cấp mã số thuế trong một số trường hợp cụ thể

a) Cấp mã số thuế cho người nộp thuế tham gia hợp đồng, hiệp định đầu khí:

...

b) Cấp mã số thuế cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế:

Nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì được cấp mã số thuế 10 số theo từng hợp đồng thầu đã ký.

...

+ Tại Khoản 1 Điều 6 hướng dẫn:

“Điều 6. Thời hạn thực hiện đăng ký thuế của người nộp thuế

Người nộp thuế có trách nhiệm thực hiện đăng ký thuế theo đúng thời hạn quy định tại Điều 22 Luật quản lý thuế, cụ thể như sau:

1. Các tổ chức kinh tế, tổ chức khác có hoạt động sản xuất kinh doanh phải thực hiện đăng ký thuế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ:

...

- Ngày ký hợp đồng nhận thầu đối với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài kê khai nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

...

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 10 Mục 2 Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam hướng dẫn nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế (sau đây gọi tắt là phương pháp kê khai):

“Điều 8. Đối tượng và điều kiện áp dụng

Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế theo hướng dẫn tại Mục 2 Chương II nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có cơ sở thường trú tại Việt Nam, hoặc là đối tượng cư trú tại Việt Nam;

2. Thời hạn kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ từ 183 ngày trở lên kể từ ngày hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ có hiệu lực;

3. Áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và thực hiện đăng ký thuế, được cơ quan thuế cấp mã số thuế.

Điều 9. Thuế giá trị gia tăng

Thực hiện theo quy định của Luật Thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thực hiện theo quy định của Luật Thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành."

Căn cứ các quy định trên, trường hợp nếu CowaterSogema International Inc là nhà thầu chính của Dự án ODA viện trợ không hoàn lại, có cơ cấu vốn một phần là nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại, một phần là vốn đối ứng từ ngân sách Nhà nước thì:

- Trường hợp dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì nhà thầu chính không được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam không phân biệt hợp đồng ký giữa chủ dự án và nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT hay không bao gồm thuế GTGT.

- Trường hợp dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT:

+ Trường hợp nhà thầu chính ký hợp đồng với Nhà tài trợ để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại với giá không bao gồm thuế GTGT thì nhà thầu chính được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hợp đồng ký với Nhà tài trợ. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư 181/2013/TT-BTC nêu trên. Nhà thầu chính đăng ký mã số thuế theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư 95/2016/TT-BTC và sử dụng mã số thuế này để thực hiện thủ tục hoàn thuế GTGT.

+ Thủ tục, hồ sơ hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 50 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính nêu trên.

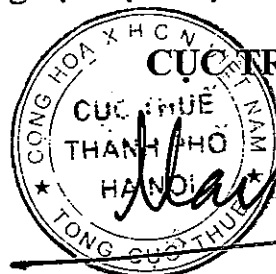
+ Theo quy định về thuế hiện hành, chưa có quy định về việc hoàn thuế GTGT đối với văn phòng đại diện của Nhà thầu chính.

- Nhà thầu phụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Nhà thầu chính của dự án ODA không thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Văn phòng đại diện được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KK-KTT;
- Phòng DTPC;
- Phòng CNTT
- Lưu: VT, TTHT(2).



Mai Sơn